

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2020/HNGĐ-ST

Ngày 10 - 8- 2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Biện Thị Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Hà

Bà Nguyễn Kim Kết

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 321/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị M, sinh năm 1970 (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn C, sinh năm 1970 (có mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp MP, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Bùi Thị S, sinh năm 1953 (vắng mặt)

2. Chị Lê Thanh T, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp MP, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

3. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp 5, xã TH, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

4. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN chi nhánh huyện ĐD (vắng mặt),

Địa chỉ trụ sở: Khóm 4, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Nguyên đơn chị Đặng Thị M trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Chị Đặng Thị M và anh Huỳnh Văn C tổ chức đám cưới vào ngày 16/02/1989, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị sống tại ấp MP, xã TAK, huyện ĐD chị M làm dâu. Trong quá trình chung sống đến tháng 12/2019 phát sinh mâu thuẫn về vấn đề kinh tế trong gia

đình do anh C cho rằng chị đi làm nhưng không có mang tiền về và sống ly thân cho đến nay. Nay chị M yêu cầu được ly hôn anh C.

- *Về con chung*: Huỳnh Hồng N1, sinh năm 1990 và Huỳnh Hoàng N2, sinh năm 1995 hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Có một căn nhà kiên cố cấp 4, xây dựng trên phần đất của bà Bùi Thị S, trị giá 65.000.000 đồng. Khi ly hôn chị M và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu phân chia.

- *Về nợ người khác*: Phần nợ của anh anh Đỗ Văn N 3,5 chỉ vàng 24k nay đã trả được 7.000.000 đồng, khi ly hôn anh chị M đồng ý trả ½. Nợ chị Lê Thanh T và ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN chi nhánh huyện ĐD chị M không biết nên không đồng ý trả nợ.

- *Về người khác nợ lại*: Không có.

\* *Bị đơn anh Huỳnh Văn C trình bày*:

- *Về hôn nhân*: Anh Huỳnh Minh C và chị Đặng Thị M tổ chức đám cưới ngày 16/02/1990, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn, nơi sinh sống sau khi kết hôn như chị M trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo chị M khai là không đúng. Vào tháng 4/2019 chị M có đi làm ở Sài Gòn và Bình Phước và thường 2 đến 3 tháng thì về một lần cho đến ngày 08/01/2020 chị M có điện cho mẹ ruột anh nói ly hôn anh do hết duyên nợ đến ngày 12/4/2020 âm lịch thì nộp đơn xin ly hôn. Nay anh C xác định vợ chồng không có mâu thuẫn nên anh không đồng ý ly hôn chị M.

- *Về con chung*: Huỳnh Hồng N1 và Huỳnh Hoàng N2 hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Căn nhà kiên cố cấp 4 xây dựng trên phần đất của bà Bùi Thị S là mẹ ruột của anh. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh C và chị M tự thỏa thuận, không yêu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ người khác*: Nợ chị Lê Thanh T tiền hội chết 24.000 đồng và 9.000.000 đồng. Nợ ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Đàm Dơi số tiền 68.000.000 đồng, nợ anh Đỗ Văn N 3,5 chỉ vàng 24k, khi ly hôn anh C đồng ý trả ½.

- *Về người khác nợ lại*: Không có.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- *Chị Lê Thanh T trình bày*: Anh C và chị M có tham gia 01 chung hội 1.000.000 đồng mở ngày 29/12/2016 âm lịch, tổng 42 chung. Quá trình tham gia hội đã hót hội và đóng hội chết đến ngày 25/7/2019 âm lịch thì ngưng, nay còn nợ 09 lần hội chết số tiền 9.000.000 đồng. Do dịch bệnh covid 19 nên ngưng khai hội 2 tháng đến ngày 25/7/2019 mới mở. Ngoài ra anh chị còn tham gia 01 chung hội 1.000.000 đồng mở ngày 25/8/2017 âm lịch, tổng 42 chung. Quá trình tham gia hội đã hót hội và đóng hội chết đến ngày 25/7/2019 âm lịch thì ngưng, nay còn nợ 22 lần hội chết số tiền 22.000.000 đồng, hội còn 11 lần khai thì mở. Khi tham gia hội thì anh C đứng tên có sự đồng ý của chị M và các lần gom và khai hội có mặt chị M, chị M đều biết. Chị T với chị M, anh C tự thỏa thuận việc trả nợ, không khởi kiện chị M, anh C trong vụ án này. Trường hợp không thỏa thuận được thì chị T khởi kiện sau.

- Anh Đỗ Văn N trình bày: Năm 2014 chị M là người trực tiếp mượn của anh 3,5 chỉ vàng 24k, không làm biên nhận. Anh C điện thoại kêu chị M đi mượn, anh giao vàng cho chị M. Nay anh C và chị M mỗi người đồng ý trả ½ khoảng nợ cho anh nên anh không khởi kiện trong vụ án này. Trường hợp sau khi ly hôn chị M và anh C không trả nợ thì anh sẽ khởi kiện sau.

- Bà Bùi Thị S và Ngân hàng không có yêu cầu gì trong vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thanh T, anh Đỗ Văn N, bà Bùi Thị S có đơn xin vắng mặt; Ngân hàng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Đặng Thị M và anh Huỳnh Văn C kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Chị M có yêu cầu ly hôn, anh C không đồng ý. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình của Quốc hội quy định “*Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi ...nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng...*”. Do đó, khi xác lập mối quan hệ hôn nhân anh chị không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Huỳnh Hồng N1 và Huỳnh Hoàng N2 hiện nay đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị M và anh C khai anh chị có một căn nhà xây trên phần đất của bà Bùi Thị S. Tuy nhiên, anh chị tự thỏa thuận phân chia nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ người khác: Hội đồng xét xử xét thấy chị M khai có nợ anh N, anh C khai ngoài nợ anh N ra còn có nợ chị T và ngân hàng. Tuy nhiên, chị T, anh N, ngân hàng không khởi kiện chị M và anh C. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét phần nợ các đương sự khai. Trường hợp có tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Đặng Thị M và anh Huỳnh Văn C là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đặng Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0010572 ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị M đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Biện Thị Nhung**

